

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2025/LĐ-ST

Ngày: 19/6/2025

V/v tranh chấp về yêu cầu
tuyên bố hợp đồng lao động
vô hiệu.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hoàng An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm - Nguyên Chủ tịch công đoàn Trung tâm y tế thành phố Bến Cát.

2. Bà Nguyễn Kim Lý - Nguyên Chủ tịch công đoàn Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2025/TLST-LĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST-LĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lâm Minh Đ, sinh năm 1986.

Hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương - có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH G.

Địa chỉ: Lô K-3b-CN, K-4b-CN, K-5-CN, K-6-CN, K-7-CN, K-8-CN, K-8A-CN, tờ bản đồ số 14, 15 Đường D17, khu công nghiệp M, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông C - Chức danh: Giám đốc - có

yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ: Khu phố 2, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn N - Chức vụ: Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội thành phố B (theo Văn bản ủy quyền ngày 02/01/2025) - có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2025, Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 02/6/2025, lời trình bày của nguyên đơn ông Lâm Minh Đ trong quá trình tham gia tố tụng:

Ông Đ với ông L chỉ là bạn bè quen biết ngoài xã hội nên ông Đ không rõ thông tin nhân thân của ông L. Ông L đã chết vì bị Covid-19 vào năm 2020. Người thừa kế của ông L là ai và ở đâu thì ông Đ cũng không rõ.

Tháng 6/2010, ông Đ có cho ông L mượn bản chính giấy chứng minh nhân dân và thông tin của ông Đ để xin vào làm việc tại Công ty TNHH G (gọi tắt là Công ty G). Ông L vào làm việc tại Công ty G có ký kết hợp đồng lao động dưới tên ông Đ. Thời gian ông L làm việc tại Công ty G, Công ty có đóng tiền bảo hiểm cho ông L đầy đủ với số bảo hiểm xã hội là 7410182075. Tháng 6/2013, ông L nghỉ việc tại Công ty G và làm việc tại đâu thì ông Đ không rõ. Trong thời gian ông L làm việc tại Công ty G thì ông Đ làm việc tại Công ty Cổ phần B (gọi tắt là Công ty B). Từ trước cho đến nay, ông Đ chưa từng làm việc cho Công ty G.

Do ông L nghỉ việc đã lâu và ông L đã chết vào thời điểm dịch bệnh Covid-19 bùng phát nên ông Đ cũng không có các giấy tờ, hợp đồng khi ông L làm việc tại Công ty G.

Nay, khi ông Đ liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội để rút tiền bảo hiểm mà không được, nên ông Đ khởi kiện yêu cầu tuyên hợp đồng lao động được ký kết giữa ông Đ với Công ty G là vô hiệu. Ông Đ không yêu cầu giải quyết hậu quả khi hợp đồng vô hiệu.

Ông Đ rút lại yêu cầu: Hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 6/2010 đến tháng 6/2013 theo Sổ bảo hiểm xã hội số 7410182075 cấp cho ông Đ.

Các chi phí tố tụng và án phí, ông Đ tự nguyện chịu.

Quá trình tham gia tố tụng, ông C là người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH G trình bày:

Ông Đ có vào làm việc tại Công ty G từ tháng 6/2010 đến tháng 6/2013. Đến tháng 6/2013, ông Đ nghỉ việc tại Công ty và Công ty đã giải quyết đầy đủ chế độ khi nghỉ việc cho ông Đ. Trong thời gian ông Đ làm việc cho Công ty G

thì Công ty có đóng tiền bảo hiểm xã hội đầy đủ cho ông Đ. Việc ông Đ cho người khác mượn giấy chứng minh nhân dân và lấy thông tin của mình để vào làm việc tại Công ty G, Công ty hoàn toàn không biết việc này. Toàn bộ các giấy tờ, hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty với ông Đ, Công ty không còn lưu giữ.

Nay, đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ, Công ty đồng ý vì để tạo điều kiện cho ông Đ được giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội. Công ty không đồng ý chịu các chi phí tố tụng và án phí trong vụ án này.

Do người đại diện hợp pháp của Công ty bận nhiều công việc nên đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt.

Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương trình bày:

Ông Đ có quá trình, thời gian, mức lương đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty G như sau:

- Tháng 6/2010 mức lương đóng bảo hiểm xã hội của ông Đ là 1.250.000 đồng.
- Từ tháng 7/2010 đến tháng 9/2010 mức lương đóng bảo hiểm xã hội của ông Đ là 1.500.000 đồng.
- Từ tháng 10/2010 đến tháng 12/2010 mức lương đóng bảo hiểm xã hội của ông Đ là 1.610.000 đồng.
- Tháng 01/2011 mức lương đóng bảo hiểm xã hội của ông Đ là 1.660.000 đồng.
- Từ tháng 02/2011 đến tháng 6/2011 mức lương đóng bảo hiểm xã hội của ông Đ là 1.710.000 đồng.
- Tháng 7/2011 mức lương đóng bảo hiểm xã hội của ông Đ là 1.960.000 đồng.
- Từ tháng 8/2011 đến tháng 9/2011 mức lương đóng bảo hiểm xã hội của ông Đ là 2.060.000 đồng.
- Từ tháng 10/2011 đến tháng 5/2012 mức lương đóng bảo hiểm xã hội của ông Đ là 2.510.000 đồng.
- Tháng 6/2012 mức lương đóng bảo hiểm xã hội của ông Đ là 2.410.000 đồng.
- Từ tháng 7/2012 đến tháng 12/2012 mức lương đóng bảo hiểm xã hội của ông Đ là 2.620.000 đồng.
- Từ tháng 01/2013 đến tháng 6/2013 mức lương đóng bảo hiểm xã hội của ông Đ là 2.970.000 đồng.

Sổ bảo hiểm xã hội 7410182075 được Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương chốt sổ ngày 31/7/2013, Bảo hiểm xã hội chưa giải quyết chế độ bảo hiểm cho ông Đ.

Công ty G được Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương phân cấp cho Bảo hiểm xã hội thành phố B quản lý từ tháng 5/2018.

Trong thời gian ông Đ làm việc cho Công ty G thì ông Đ còn tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty B, có quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 6/2007 đến tháng 6/2013 với mã số bảo hiểm xã hội là 6921412737.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ, Bảo hiểm xã hội thành phố B đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử theo quy định pháp luật. Bảo hiểm xã hội thành phố B đề nghị giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát có ý kiến:

Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng của Tòa án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của người đại diện hợp pháp của đương sự và đương sự trong quá trình tham gia tố tụng nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn ông Đ; ông C là người đại diện hợp pháp của bị đơn và ông N là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố B có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các ông bà có tên nêu trên theo quy định của Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện về hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 6/2010 đến tháng 6/2013 theo Sổ bảo hiểm xã hội số 7410182075 cấp cho ông Đ. Xét, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện trên của ông Đ là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo Công văn số 223/CV-BHXXH ngày 23/5/2025 của Bảo hiểm xã hội thành phố B thể hiện ông Đ có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty G từ tháng 6/2010 đến tháng 6/2013. Trong thời gian ông Đ làm việc cho Công ty G thì ông Đ có quá trình đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty B từ tháng 6/2007 đến tháng 6/2013.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ thừa nhận ông và Công ty G có xác lập hợp đồng lao động. Ông Đ có thông tin làm công nhân tại Công ty G từ tháng 6/2010 đến tháng 6/2013. Công ty G có đóng tiền bảo hiểm cho ông Đ đầy đủ theo như nội dung công văn trình bày trên của Bảo hiểm xã hội thành phố B.

Ông Đ thừa nhận ông có cho ông L (không rõ thông tin nhân dân) mượn giấy chứng minh nhân dân và lấy thông tin của ông Đ để làm hồ sơ xin việc tại

Công ty G. Ông L vào làm việc tại Công ty G dưới tên của ông Đ, Công ty không biết việc này. Đồng thời, theo thông tin tại Sổ bảo hiểm số 9621412737 và lời khai của ông Đ thể hiện trong thời gian ông L làm việc tại Công ty G (dưới tên ông Đ) thì ông Đ làm việc tại Công ty B.

Việc ông L sử dụng giấy chứng minh nhân dân, thông tin của ông Đ để giao kết hợp đồng lao động với Công ty G là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động. Do đó, ông Đ yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa ông Đ với Công ty G là có căn cứ theo quy định tại Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Ông Đ chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì trong vụ án. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, do đó, Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

Như vậy, Công ty G và Công ty B cùng tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động có tên Lâm Minh Đ. Tuy nhiên, thực tế ông Đ chỉ làm việc tại Công ty B, không làm việc tại Công ty G. Do đó, hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty G với ông Đ là vô hiệu như những phân tích ở trên. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ đối với bị đơn Công ty G.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp.

[4] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, 32, 35, 39, 147, 217, 227, 228, 238, 244, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Minh Đ về tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Lâm Minh Đ với Công ty TNHH Công nghiệp Gỗ G là vô hiệu.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc: Hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 6/2010 đến tháng 6/2013 theo Sổ bảo hiểm xã hội số 7410182075 cấp cho ông Đ.

3. Án phí lao động sơ thẩm: Ông Lâm Minh Đ phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (hợp nhất số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, TA (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Hoàng An